

Bản án số: 20/2018/HS-ST
Ngày 16-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sấn

2. Bà Hoàng Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Thị Th1, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1983 tại xã Thạch Long, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn 3, xã Thạch Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Trọng H (đã chết) và bà: Lê Thị Th2, sinh năm 1959; bị cáo có chồng và đã ly hôn, có hai con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị Công an huyện Vĩnh Lộc bắt tạm giữ từ ngày 30/5/2018 đến ngày 08/6/2018 thì chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an Thanh Hóa.

Bị cáo tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Lê Thị V.

Trú tại: Thôn Thành Hưng, xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

- Người làm chứng: + Chị Nguyễn Thị Th3

Trú tại: Xóm Nam, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

+ Chị Trịnh Thị Th4.

Trú tại: Thôn 6, xã Vĩnh Khang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại và toàn bộ người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ ngày 10/4/2018 Lê Thị Th1 sinh năm 1983 quê ở xã Thạch Long, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa đi xe mô tô từ nhà đến Công ty Giày da A đóng tại thôn 8, xã Định Liên, huyện Yên Định để đi làm. Khi đến cổng công ty, Th1 vào cây ATM gần đó để rút tiền, sau khi rút xong thì có chị Lê Thị V quê ở Thôn Thành Hưng, xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa cũng là công nhân Công ty giày da A vào rút số tiền 4.000.000 (Bốn triệu đồng), khi rút được tiền chị V bỏ tiền vào 01 chiếc ví màu nâu có in hình quả dâu tây cùng với số tiền 4.000.000 đồng có trong ví và một số giấy tờ cá nhân khác rồi bỏ ví vào cốp xe mô tô của mình. Biết chị V vừa rút tiền cất vào ví, Th1 nảy sinh ý định trộm cắp nên Th1 đi theo chị V vào nhà xe gần cổng phụ của Công ty. Th1 dựng xe gần xe của chị V. Lúc đó, thấy chị V bỏ chìa khóa xe máy vào chiếc áo khoác màu hồng đang mặc; Th1 liền đi theo chị V, thấy chị V cởi áo khoác ra cất vào tủ đựng đồ cá nhân của công ty, khép cửa tủ lại rồi vào xưởng 11 đi làm thì Th1 liền đi lại tủ, mở cửa ra và trộm cắp chiếc áo khoác của chị V, kiểm tra thì thấy có 01 chùm chìa khóa trong đó có chìa khóa xe máy, 01 thẻ công nhân và 01 vé gửi xe mang tên chị Lê Thị V. Th1 liền đi ra khu vực để xe của chị V rồi dùng chìa khóa xe máy mở cốp xe thấy bên trong có 03 chiếc ví trong đó có 01 ví có tiền và các giấy tờ cá nhân của chị V, Th1 lấy luôn bỏ vào túi sách cá nhân của mình đem theo rồi tiếp tục quay vào xưởng làm việc. Đến chiều cùng ngày khi tan ca ra về đi qua cổng Công ty được một đoạn Th1 dừng lại kiểm tra trong ví có hình quả dâu tây có số tiền mặt là 8.000.000 đồng gồm các tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng, cùng các loại giấy tờ cá nhân gồm 01 chứng minh thư nhân dân, 02 thẻ Bảo hiểm y tế, 01 giấy phép lái xe, 01 đăng ký xe máy và 01 thẻ bảo hiểm xe máy Wave Anpha màu trắng, Biển kiểm soát 36B-4683.61 đều mang tên Lê Thị V cùng 01 thẻ Bảo hiểm y tế mang tên Lê Thùy Dương. Đối với 02 chiếc ví màu xanh và màu đỏ không có tài sản gì bên trong. Số tiền trộm cắp được nêu trên Th1 đã chi tiêu cá nhân trả nợ hết 8.000.000 đồng, sau đó Th1 đã lấy lại 01 triệu đồng tiền chơi hội từ chị Thủy và giao nộp lại cho cơ quan điều tra để trả lại cho chị V.

Sau khi bị mất tài sản chị V đã báo cáo Công ty A và công an xã Định Liên, Công an Yên Định để truy tìm thủ phạm. Qua điều tra thu thập chứng cứ xác định Lê Thị Th1 là người đã trộm cắp tiền và các tài sản trên của chị V đồng thời đấu tranh với Th1, Th1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu được có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra chứng minh được chị Lê Thị V bị mất 8.000.000 (Tám triệu đồng), 03 ví, 01 áo khoác và các giấy tờ cá nhân của chị V và chị D như bị can Th1 đã khai ở trên. Ngày 02/5/2018 Hội đồng định giá tài sản huyện Yên Định đã tiến hành định giá chiếc áo khoác và 03 chiếc ví của chị V và kết luận là trị giá là 52.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS-YĐ ngày 08/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định đã truy tố bị cáo Lê Thị Th1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Lê Thị Th1 về tội “trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật và tuyên phạt bị cáo cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b, s khoản 1 điều 51; điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Lê Thị Th1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về bồi thường dân sự: Các tài sản mà bị cáo chiếm đoạt bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại và được thu hồi trả cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng : các tài sản bị cáo chiếm đoạt sau khi xác minh làm rõ, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng với quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Định, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị Th1:

Khoảng 7 giờ ngày 10/4/2018, khi Lê Thị Th1 vào cây ATM gần cổng công ty giày da A để rút tiền thì thấy chị Lê Thị V cũng rút tiền, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp nên đã theo dõi và lấy trộm được 1 chiếc áo ấm của chị V trong đó có

chùm chìa khóa nên đã ra chỗ gửi xe của chị V để mở cốp xe máy lấy trộm 3 chiếc ví trong đó có một số giấy tờ cá nhân cùng với số tiền 8.000.000đ.

Sau khi chiếm đoạt được số tài sản trên, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết, khi bị cơ quan điều tra triệu tập làm việc, bị cáo đã khai rõ về hành vi phạm tội của mình, sau đó đã giao nộp các tài sản trộm cắp là 3 chiếc ví da, một số giấy tờ cá nhân của chị V và số tiền 8.000.000đ để trả lại cho chủ sở hữu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận Lê Thị Th1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Lê Thị Th1 về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Tính chất nguy hiểm cho xã hội của vụ án, nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

- Tính chất nguy hiểm cho xã hội của vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân là một trong những khách thể quan trọng được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có thể giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Khi quyết định hình phạt, cần xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội đã tự nguyện giao nộp các tài sản chiếm đoạt và bồi thường cho người bị hại số tiền bị cáo chiếm đoạt; quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình thuộc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị xét xử lần nào, tuy nhiên sau khi phạm tội, bị cáo được cho áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” thì bị cáo lại tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Vĩnh Lộc và bị khởi tố điều tra, vì vậy bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Do bị cáo đang bị khởi tố điều tra lại tiếp tục có hành vi phạm tội mới và bị khởi tố bị can, vì vậy cần áp dụng điều 38 của Bộ luật Hình sự để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội, khi quyết định hình phạt cần giảm nhẹ một phần cho bị cáo vì có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Bồi thường thiệt hại: Các tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được thu giữ

tra cho chủ sở hữu; được bị cáo tự nguyện bồi thường cho người bị hại và người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Xử lý vật chứng, án phí;

- Xử lý vật chứng: Các tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu giữ, sau khi điều tra làm rõ, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng với quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2017.

Đối với chiếc xe máy là tài sản của bị cáo nhưng bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, vì vậy việc Cơ quan điều tra trả lại cho bị cáo là đúng với quy định của pháp luật.

- Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 điều 21, điểm a khoản 1 điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 điều 173; điểm b, s khoản 1 điều 51; điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố Lê Thị Th1 phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Lê Thị Th1 06(sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 điều 21, điểm a khoản 1 điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Lê Thị Th1 phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai i có mặt bị cáo vắng mặt người bị hại. Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Định;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- Bị cáo; người bị hại;
- Công an huyện Yên Định;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Kỳ Anh